

NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC, CÁN BỘ CỦA ĐẢNG ỦY XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, nhất là những vấn đề những tồn tại, hạn chế, bất cập của giai đoạn từ tháng 10/2017 đến tháng 10/2024 và trước yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ phát triển mới, với quyết tâm chính trị cao nhất, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã quyết định tổng kết sớm, toàn diện việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW¹ trong toàn hệ thống chính trị; thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, do đồng chí Tổng Bí thư trực tiếp làm Trưởng Ban; đề ra những quyết sách đổi mới quyết liệt, mạnh mẽ, định hướng cụ thể nội dung, yêu cầu đối với từng cấp, mỗi cơ quan, tổ chức trong thực hiện cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và địa phương, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ, khắc phục triệt để những tồn tại, hạn chế, bất cập về tổ chức bộ máy kéo dài trong thời qua. Với quyết tâm cao nhất, quan điểm chỉ đạo nhất quán, xuyên suốt, thực hiện nghiêm túc từ trên xuống, không bàn lùi, chỉ bàn làm, theo phương châm “*vừa chạy vừa xếp hàng*”, Trung ương không chờ cấp tỉnh, cấp tỉnh không chờ cơ sở, công tác chỉ đạo thực hiện theo 02 giai đoạn: (1) Sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy đối với các cơ quan, tổ chức ở Trung ương, địa phương và (2) sáp nhập tỉnh, xã, thực hiện hệ thống chính trị địa phương 02 cấp (*không tổ chức cấp huyện*).

Ngày 12-4-2025, Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII đã thống nhất cao và ban hành Nghị quyết số 60-NQ/TW về việc thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp xã. Tổ chức chính quyền địa phương hai cấp: Cấp tỉnh (*tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*), cấp xã (*xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố*), kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện. Bắt đầu vận hành từ 01/7/2025.

Kết quả: giảm từ 63 tỉnh, thành phố còn 34 tỉnh, thành phố; giảm từ 10.035 đơn vị hành chính cấp xã xuống còn 3.321 đơn vị; kết thúc hoạt động của 696 đơn vị hành chính cấp huyện.

¹ Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

II. QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC BỘ MÁY

Để thực hiện chuyển đổi từ mô hình chính quyền địa phương 3 cấp sang mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Ban Tổ chức Trung ương đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu sửa đổi, hoàn thiện các quy định về tổ chức, cán bộ bảo đảm cơ sở pháp lý để tổ chức bộ máy vận hành theo mô hình mới, bảo đảm hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và chuẩn bị, tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XIV của Đảng.

Nội dung các quy định mới đã cập nhật, bổ sung đầy đủ các chủ trương, quy định mới, chỉ đạo của Bộ Chính trị, của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về công tác tổ chức bộ máy, cán bộ; đồng thời, khắc phục những hạn chế, bất cập của các quy định cũ. Quá trình nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định được thực hiện với tinh thần nghiêm túc, cầu thị, thận trọng và kỹ lưỡng, tiếp thu tối đa các đề xuất, nội dung tham gia góp ý trách nhiệm, tâm huyết từ các địa phương, cơ quan, đơn vị, đảm bảo tính khoa học, khả thi, thống nhất, đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị.

Đối với Đảng ủy xã, phường, đặc khu, Ban Tổ chức Trung ương đã tham mưu ban hành các quy định, hướng dẫn, gồm:

- 1) Quy định số 294-QĐ/TW ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Quy định thi hành Điều lệ Đảng;
- 2) Hướng dẫn số 06-HD/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng;
- 3) Quy định số 298-QĐ/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, đặc khu;
- 4) Quy định số 299-QĐ/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- 5) Quy định số 300-QĐ/TW, ngày 09-6-2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ cơ sở đặc khu.
- 6) Quy định số 301-QĐ/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã.
- 7) Quyết định số 302-QĐ/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư ban hành Quy chế làm việc mẫu của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, đặc khu.
- 8) Quyết định số 303-QĐ/TW, ngày 9-6-2025 của Ban Bí thư ban hành Quy chế làm việc mẫu của đảng ủy cơ sở đặc khu.

9) Các quy định về công tác cán bộ: Quy định số 365-QĐ/TW, ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị về Tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị; Quy định số 366-QĐ/TW ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị; Quy định số 368-QĐ/TW, ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị; Quy định số 377-QĐ/TW ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về “Phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ...”

1. Quy định thi hành Điều lệ Đảng²

Ngày 26/5/2025 Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Quy định thi hành Điều lệ Đảng (số 294-QĐ/TW), thay thế Quy định số 232-QĐ/TW, ngày 24/01/2025, cùng với Điều lệ Đảng, đây là văn bản rất quan trọng của Trung ương nhằm cụ thể hóa một số quy định trong Điều lệ Đảng nêu khái quát có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau, nhất là quy định cụ thể những vấn đề cốt lõi trong công tác xây dựng Đảng, như: nguyên tắc, hệ thống tổ chức, cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương và các cấp địa phương; thẩm quyền, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên; phương thức lãnh đạo của Đảng với Nhà nước và xã hội...; quy định những vấn đề mà qua thực tiễn đã chứng minh là đúng đắn, thuộc thẩm quyền quy định của Ban Chấp hành Trung ương để thực hiện thống nhất trong toàn Đảng và lần này Trung ương tập trung rà soát, bổ sung, sửa đổi những nội dung liên quan trực tiếp đến các quy định về tổ chức đảng, cơ quan lãnh đạo của đảng ở các cấp địa phương và cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy để làm cơ sở chính trị thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, không tổ chức cấp huyện, xây dựng hệ thống chính trị địa phương 02 cấp.

- Quy định gồm 33 mục (kế thừa bố cục của Quy định số 232-QĐ/TW) quy định về: (1) Tuổi đời và trình độ học vấn của người vào Đảng. (2) Về quyền của đảng viên. (3) Về giới thiệu và kết nạp người vào Đảng. (4) Về thời hạn tổ chức lễ kết nạp đảng viên, xét công nhận đảng viên chính thức, tính tuổi đảng của đảng viên. (5) Về đảng tịch của đảng viên. (6) Về phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng. (7) Về đảng viên xin miễn công tác và sinh hoạt đảng. (8) Về xóa tên đảng viên và giải quyết khiếu nại về xóa tên đảng viên. (9) Về một số quy định về thực hiện

² Quy định số 294-QĐ/TW ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Quy định thi hành Điều lệ Đảng.

nguyên tắc tập trung dân chủ. (10) Về hệ thống tổ chức của Đảng. (11) Về nhiệm vụ của cấp ủy triệu tập đại hội; số lượng, phân bổ đại biểu; bầu và chỉ định đại biểu dự đại hội đảng bộ các cấp. (12) Về các tổ chức điều hành và giúp việc đại hội. (13) Về việc bầu cử trong Đảng. (14) Về số lượng cấp ủy viên, số lượng ủy viên ban thường vụ và số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra của cấp ủy các cấp. (15) Về cấp ủy khoá mới được điều hành công việc ngay sau khi được bầu. (16) Về báo cáo kết quả đại hội; chuẩn y kết quả bầu cử; bổ sung, điều động, chỉ định cấp ủy viên và thôi tham gia cấp ủy. (17) Về thí điểm Bộ Chính trị chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc Trung ương. (18) Về lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy. (19) Về đại hội bất thường ở các cấp. (20) Về việc lập chi bộ cơ sở, lập tổ chức cơ sở đảng trong một số trường hợp cụ thể; cơ cấu tổ chức ở các tổ chức đảng có đặc điểm khác nhau. (21) Về sinh hoạt định kỳ của đảng bộ cơ sở, chi bộ. (22) Về đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên. (23) Về nhiệm kỳ chi bộ; việc bầu chi ủy, bí thư, phó bí thư chi bộ (kể cả chi bộ cơ sở). (24) Về một số quy định cụ thể về đảng ủy quân khu, đảng ủy quân sự địa phương. (25) Về quan hệ giữa Đảng ủy Công an Trung ương với tỉnh ủy, thành ủy; cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Công an nhân dân. (26) Về nhiệm vụ tham mưu của các đảng ủy công an đối với cấp ủy địa phương cùng cấp; việc phân công đồng chí phó bí thư cấp ủy địa phương phụ trách đảng ủy công an cùng cấp. (27) Về tổ chức cơ quan ủy ban kiểm tra. (28) Về khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên. (29) Về một số quy định cụ thể về Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội. (30) Về cấp ủy đảng lãnh đạo tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng cấp. (31) Về đảng phí, nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng. (32) Về việc Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định một số vấn đề khác theo thẩm quyền. (33) Về trách nhiệm các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Trung ương hướng dẫn thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị của Đảng, hướng dẫn về phương pháp, quy trình, thủ tục và nghiệp vụ để cụ thể hoá những quy định của Điều lệ Đảng; về phạm vi phổ biến, trách nhiệm và hiệu lực thi hành của Quy định.

- Quy định số 294 có 09 nội dung mới: (1) Bổ sung quy định về quyền của đảng viên được tổ chức đảng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng (Tiểu mục 2.4). (2) Bổ sung quy định “cấp ủy trực thuộc Trung ương ban hành quy chế làm việc mẫu của cấp ủy cơ sở và chi bộ” (Tiểu mục 9.1). (3) Bổ sung, sửa đổi các quy định về hệ thống tổ chức của Đảng (Mục 10), như: (1) Hệ thống tổ chức của Đảng được tổ chức theo đơn vị hành chính cấp xã (gồm: xã,

phường, đặc khu); cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp Trung ương (Tiểu mục 10.1). (2) Đảng bộ xã, phường, đặc khu (Tiểu mục 10.2). (3) Về tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng (Tiểu mục 10.4). (4) Bổ sung, sửa đổi quy định về chỉ định đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp (Tiểu mục 11.3.1). (5) Bổ sung, sửa đổi quy định về tiến hành đại hội nhiệm kỳ tiếp theo các đảng bộ, chi bộ thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập (Tiểu mục 16.5). (6) Bổ sung, sửa đổi quy định về lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp (Tiểu mục 18.1). (7) Bổ sung quy định “Ở các thôn, tổ dân phố chỉ được thành lập chi bộ trực thuộc đảng ủy xã, phường, đặc khu” (Tiểu mục 20.2.2). (8) Bổ sung quy định “Thí điểm đại hội chi bộ năm năm một lần” (Tiểu mục 23.1). (9) Bổ sung quy định việc thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị của Đảng (Mục 33).

2. Hướng dẫn một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng³

Ngày 01/6/2025, Ban Bí thư ban hành Hướng dẫn số 06-HD/TW một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng trên cơ sở kế thừa cơ bản bố cục, nội dung còn phù hợp của Hướng dẫn số 01-HD/TW; chỉ tập trung rà soát, bổ sung, sửa đổi hướng dẫn những điểm mới trong Quy định thi hành Điều lệ Đảng để thống nhất cách hiểu và thực hiện; cập nhật, sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

- Hướng dẫn gồm 19 mục (như Hướng dẫn số 01-HD/TW) về: (1) Tuổi đời và trình độ học vấn của người vào Đảng ở một số trường hợp đặc biệt. (2) Về đảng viên phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. (3) Về thủ tục xem xét kết nạp đảng viên (kể cả kết nạp lại). (4) Về hồ sơ, thủ tục xét công nhận đảng viên dự bị thành đảng viên chính thức (kể cả kết nạp lại). (5) Về một số vấn đề liên quan đến kết nạp đảng viên và công nhận đảng viên chính thức. (6) Về kết nạp đảng viên trong một số trường hợp cụ thể. (7) Về phát và quản lý thẻ đảng viên. (8) Về quản lý hồ sơ đảng viên. (9) Về giải quyết việc thay đổi họ tên và ngày tháng năm sinh. (10) Về chuyển sinh hoạt đảng. (11) Về xóa tên đảng viên trong danh sách đảng viên và đảng viên xin ra khỏi Đảng. (12) Về việc Ban Bí thư ủy quyền cho Ban Tổ chức Trung ương xem xét, có ý kiến bằng văn bản trước khi cấp ủy trực thuộc Trung ương quyết định thành lập, giải thể đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng khác với quy định tại Tiểu mục 10.4.2; thành lập đảng bộ cơ sở trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương quy định tại Tiểu mục 10.4.3 của Quy định thi hành Điều lệ Đảng. (13) Về cách tính nhiệm kỳ, số thứ tự đại hội đảng bộ, chi bộ. (14) Về đại biểu ở đại hội đại biểu và đảng viên ở đại hội đảng viên. (15) Về quy trình tổ chức đại hội. (16) Về việc chỉ định bổ sung hoặc tăng thêm cấp ủy viên,

³ Hướng dẫn số 06-HD/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng.

ủy viên ban thường vụ. (17) Về việc lập cơ quan tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp của cấp ủy; việc bố trí cán bộ chuyên trách công tác đảng. (18) Về tăng Huy hiệu Đảng. (19) Về khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên.

- Hướng dẫn có 05 nội dung mới: (1) Bổ sung nội dung người đang chờ quyết định công nhận tốt nghiệp thì tổ chức đảng ở trường học, cơ sở đào tạo đó xem xét kết nạp (Tiểu mục 6.2). (2) Bổ sung nội dung trường hợp đảng viên đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (nơi có tổ chức đảng) nếu có tổng thời gian hợp đồng lao động liên tục từ đủ 12 tháng trở lên thì được chuyển sinh hoạt đảng chính thức đến nơi làm việc (Tiểu mục 10.3). (3) Bổ sung Mục 12, nội dung như sau: “Ban Bí thư ủy quyền cho Ban Tổ chức Trung ương xem xét, có ý kiến bằng văn bản trước khi cấp ủy trực thuộc Trung ương quyết định thành lập, giải thể đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng khác với quy định tại Tiểu mục 10.4.2; thành lập đảng bộ cơ sở trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương quy định tại Tiểu mục 10.4.3 của Quy định thi hành Điều lệ Đảng”. (4) Bổ sung nội dung thí điểm thực hiện nhiệm kỳ của chi bộ (không phải chi bộ cơ sở) là 05 năm. Đối với chi bộ thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì nhiệm kỳ đầu tiên không nhất thiết là 5 năm (Tiểu mục 13.4). (5) Bổ sung nội dung trong trường hợp cần thiết, cấp ủy cấp trên có thể chỉ định đảng viên ngoài đảng bộ, chi bộ đang giữ chức vụ chủ tịch, phó chủ tịch, trưởng ban của hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố tham gia cấp ủy (chi ủy), ban thường vụ cấp ủy hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Tiểu mục 16.2).

Ngoài các nội dung nêu trên, dự thảo Hướng dẫn lược bỏ một số nội dung để giảm bớt thủ tục hành chính trong Đảng, xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy cơ sở, tăng cường quản lý đảng viên hoạt động ở xa nơi cư trú. Đồng thời, bổ sung, sửa đổi một số nội dung cho phù hợp với thực tiễn sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; diễn đạt lại một số câu, từ để rõ nghĩa và bao quát đầy đủ các trường hợp trong thực tiễn nhưng không làm thay đổi nội dung của Hướng dẫn và phù hợp với Quy định thi hành Điều lệ Đảng.

3. Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Đảng ủy cấp xã (mới)

Ngày 06/6/2025, Ban Bí thư ban hành các văn bản: (1) Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, đặc khu; (2) Quy chế làm việc mẫu của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, đặc khu; (3) Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy cơ sở đặc khu; (4) Quy chế làm việc mẫu của đảng ủy cơ sở đặc khu; (5) Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường,

đặc khu; (6) Quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã.

Ban Tổ chức Trung ương đã xây dựng dự thảo các quy định, quy chế trên cơ sở một số nguyên tắc sau:

- Quy định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, đặc khu, đảng ủy cơ sở đặc khu, cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu theo đúng các quy định, hướng dẫn của Trung ương; làm cơ sở để đảng bộ cấp xã mới có thể thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động ngay sau khi được thành lập; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng đối với hệ thống chính trị cấp xã, không có khoảng trống quyền lực, không làm gián đoạn công việc, ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của xã hội, của người dân; giữ vững quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng và phát triển giai đoạn 2025 - 2030; nâng cao năng lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo hệ thống chính trị, chính quyền địa phương cấp xã gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân được tốt nhất.

- Bảo đảm thực hiện đúng các nguyên tắc, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan ở cấp tỉnh, cấp xã; hướng mạnh hoạt động về cơ sở, tăng cường các nguồn lực cho hoạt động cơ sở, địa bàn dân cư, gắn bó với đoàn viên, hội viên và Nhân dân.

3.1. Quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, đặc khu⁴

Quy định gồm có 06 điều

(1) *Vị trí, chức năng (Điều 1)*: Đảng ủy cấp trên cơ sở ở cấp xã là cấp ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương và là cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng, chi bộ trực thuộc; chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên của ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh; có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị cấp xã và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc theo quy định.

(2) *Nhiệm vụ, quyền hạn của đảng ủy (Điều 2)*

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn của cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng, Dự thảo quy định cụ thể việc lãnh đạo trên các mặt: (i) Về lãnh đạo thực

⁴ Quy định số 298-QĐ/TW, ngày 9-6-2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, đặc khu.

hiện nhiệm vụ chính trị. (ii) Về lãnh đạo công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức; (iii) Về lãnh đạo công tác tổ chức và cán bộ; (iv) Về lãnh đạo xây dựng tổ chức đảng, đảng viên, công tác kiểm tra, giám sát.

(3) Nhiệm vụ, quyền hạn của ban thường vụ đảng uỷ (Điều 3)

Dự thảo quy định các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể, chi tiết của Ban thường vụ đảng uỷ về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị; về công tác chính trị, tư tưởng; về lãnh đạo công tác tổ chức và cán bộ; về lãnh đạo xây dựng tổ chức đảng, đảng viên, công tác kiểm tra, giám sát;... Ngoài ra, có quy định ban Thường vụ đảng uỷ được uỷ quyền cho thường trực đảng uỷ thực hiện một số công việc cụ thể thuộc thẩm quyền của ban thường vụ đảng uỷ, đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

(4) Tổ chức bộ máy, biên chế và điều kiện bảo đảm hoạt động (Điều 4)

- Đảng uỷ cấp trên cơ sở ở xã, phường được lập cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp theo quy định thi hành điều lệ Đảng với số biên chế thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Trung ương, do ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

- Đảng uỷ cấp xã có trụ sở làm việc đặt tại trung tâm chính trị - hành chính xã, có con dấu và tài khoản riêng, được cấp kinh phí, trang bị cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động theo quy định.

(5) Mọi quan hệ công tác (Điều 5)

Dự thảo quy định chi tiết về mối quan hệ công tác của Đảng uỷ cấp xã với: Cấp uỷ cấp tỉnh; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp uỷ và các cấp uỷ, đơn vị trực thuộc cấp uỷ cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức khác ở cấp tỉnh; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp và các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc.

(6) Tổ chức thực hiện (Điều 6): Đảng uỷ cấp xã căn cứ Quy định này để ban hành quy chế làm việc, trên cơ sở cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác, phù hợp với tình hình thực tiễn. Quy định có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025.

3.2. Về dự thảo Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng uỷ cơ sở đặc khu⁵

⁵ Quy định số 300-QĐ/TW, ngày 09-6-2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ cơ sở đặc khu.

Quy định gồm có 04 phần với 12 điều: Phần 1 về vị trí, chức năng có 01 điều (Điều 1); Phần 2 về nhiệm vụ có 06 điều (từ Điều 2 đến Điều 7); Phần 3 về mối quan hệ công tác có 04 điều (từ Điều 8 đến Điều 11); Phần 4 về điều khoản thi hành có 01 điều (Điều 12).

(1) *Về vị trí, chức năng (Điều 1)*: Đảng bộ cơ sở đặc khu là đảng bộ trực thuộc đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cấp ủy cấp tỉnh) và là hạt nhân chính trị ở cơ sở; có chức năng lãnh đạo toàn diện ở đặc khu; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị ở đặc khu, các chi bộ trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương và của cấp ủy cấp tỉnh.

(2) *Về nhiệm vụ*:

Dự thảo quy định chi tiết nhiệm vụ của đảng ủy cơ sở đặc khu trên các mặt: (i) Lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh (Điều 2); (ii) Lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng; (iii) Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ (Điều 4); (iv) Lãnh đạo xây dựng tổ chức đảng (Điều 5); (v) Lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng (Điều 6); (vi) Lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị cơ sở (Điều 7).

(3) *Mối quan hệ công tác (Điều 5)*

Dự thảo Quy định chi tiết mối quan hệ công tác của đảng ủy cơ sở đặc khu với: Cấp ủy cấp tỉnh; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp ủy, và các cấp ủy, đơn vị trực thuộc cấp ủy cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức khác ở cấp tỉnh; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; các chi ủy, chi bộ trực thuộc.

(4) *Tổ chức thực hiện (Điều 6)*: Đảng ủy cơ sở đặc khu căn cứ Quy định này để ban hành quy chế làm việc, trên cơ sở cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác, phù hợp với tình hình thực tiễn. Quy định có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025.

3.3. Về Quy chế làm việc mẫu của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, đặc khu và của đảng ủy cơ sở đặc khu⁶

Căn cứ các quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp xã nêu trên, dự thảo Quy chế làm việc mẫu của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng và của đảng ủy cơ sở đặc khu (gọi chung là đảng ủy cấp xã) đã cụ thể hóa nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân; nguyên tắc và chế độ làm

⁶ Quyết định số 302-QĐ/TW, ngày 9-6-2025 của Ban Bí thư ban hành Quy chế làm việc mẫu của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, đặc khu.

việc, mối quan hệ công tác của đảng ủy cấp xã; bảo đảm đúng theo quy định hiện hành của Đảng, cơ bản kế thừa Quy chế làm việc mẫu của cấp ủy cấp huyện hiện nay (ban hành kèm theo Quyết định số 143-QĐ/TW, ngày 03/5/2024 của Ban Bí thư), Quy chế làm việc mẫu của đảng ủy cơ sở (ban hành kèm theo Công văn số 7619-CV/BTCTW, ngày 30/12/2024 của Ban Tổ chức Trung ương) và các quy chế làm việc mẫu của các loại hình tổ chức đảng do Ban Bí thư ban hành⁷, đồng thời bổ sung một số nội dung quy định, nhiệm vụ cho phù hợp với tình hình mới.

3.4. Về Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu⁸

Quy định gồm 05 chương, 17 điều.

(1) Về cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy cấp xã

- Đối với xã, phường, gồm: Văn phòng, ban xây dựng Đảng, cơ quan ủy ban kiểm tra.

- Đối với đặc khu, gồm: Văn phòng, ban tổ chức, ban tuyên giáo và dân vận, cơ quan ủy ban kiểm tra.

(2) Về biên chế các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy cấp xã

- Ban thường vụ đảng ủy xã, phường, đặc khu xem xét, quyết định biên chế của từng cơ quan bảo đảm tinh gọn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và cân đối giữa các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu trên cơ sở tổng biên chế được ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh giao; yêu cầu, nhiệm vụ, cơ cấu cán bộ, công chức, tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm đã được phê duyệt.

- Để bảo đảm các cơ quan khẩn trương đi vào hoạt động thông suốt, trước mắt biên chế cán bộ lãnh đạo, công chức các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu thực hiện theo quy định nêu tại điểm 3, khoản 2, mục I Hướng dẫn số 31-HD/BTCTW, ngày 23/4/2025 của Ban Tổ chức Trung ương. Trong quá trình sắp xếp có thể bố trí biên chế nhiều hơn (bao gồm cán bộ công tác Đảng của huyện, xã hiện có và một số cán bộ, công chức cấp tỉnh); sau khi hoàn thiện vị trí việc làm, tối đa sau thời gian 05 năm phải thực hiện đúng theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền giao và quản lý biên chế.

⁷ Quy chế làm việc mẫu của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở bộ, ngành, cơ quan, tổ chức nơi kết thúc hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng (ban hành kèm theo Quyết định số 254-QĐ/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Bí thư); Quy chế làm việc mẫu của đảng ủy, chi bộ cơ sở ở cơ quan, tổ chức nơi kết thúc hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng (ban hành kèm theo Quyết định số 256-QĐ/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Bí thư) ...

⁸ Quy định số 299-QĐ/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu

(3) Về tổng số lãnh đạo cấp phó chuyên trách của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy cấp xã

- Đối với xã, phường thì tổng số lãnh đạo cấp phó của các cơ quan không quá 06 người.

- Đối với đặc khu thì tổng số lãnh đạo cấp phó của các cơ quan không quá 08 người.

- Số lượng lãnh đạo cấp phó chuyên trách cụ thể của mỗi cơ quan do ban thường vụ đảng ủy xã, phường, đặc khu xem xét, quyết định.

(4) Về cơ sở vật chất, điều kiện hoạt động các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp xã

- Có trụ sở làm việc đặt tại cơ quan đảng ủy xã, phường, đặc khu.

- Có con dấu, được cấp kinh phí, trang bị cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động theo quy định.

(5) Về tiêu chuẩn chức danh các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp xã

Việc xác định tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và cơ cấu cán bộ, công chức trong mỗi cơ quan do các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu xây dựng theo quy định, hướng dẫn của Trung ương và của cấp ủy cấp tỉnh; ban xây dựng Đảng đối với xã, phường hoặc ban tổ chức đảng ủy đối với đặc khu thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định.

(6) Về cơ cấu cán bộ, công chức các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp xã

Bố trí cơ cấu cán bộ, công chức hợp lý, bảo đảm biên chế công chức làm công tác nghiên cứu, tham mưu chiếm đa số trên cơ sở yêu cầu, nhiệm vụ và vị trí việc làm; giảm tối đa người phục vụ.

(7) Về trách nhiệm và quyền hạn chung của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy cấp xã

- Chịu trách nhiệm trước đảng ủy, mà trực tiếp, thường xuyên là ban thường vụ, thường trực đảng ủy xã, phường, đặc khu trong tham mưu, đề xuất với cấp ủy và thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Được yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc đảng ủy xã, phường, đặc khu báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan.

- Được cử cán bộ dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và các cơ quan có liên quan khi bàn về nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn do cơ quan phụ trách.

- Thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm, thẩm quyền của chủ thể kiểm tra, giám sát theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với thường trực, ban thường vụ đảng ủy xã, phường, đặc khu và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương.

(8) Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Văn phòng đảng ủy cấp xã, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra đảng ủy cấp xã:

Kế thừa và tiếp nhận toàn bộ nội dung về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Văn phòng huyện ủy, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra huyện ủy (*cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng*) quy định tại Điều 5 và Điều 7 Quy định số 46-QĐ/TW; đồng thời có biên tập, chỉnh sửa câu chữ, từ ngữ cho phù hợp.

(9) Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Xây dựng Đảng đảng ủy xã, phường, Ban Tổ chức đảng ủy đặc khu, Ban Tuyên giáo và Dân vận đảng ủy đặc khu:

Kế thừa, tiếp nhận và tích hợp toàn bộ nội dung về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban tổ chức huyện ủy, ban tuyên giáo huyện ủy, ban dân vận huyện ủy (*cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng*) quy định tại Điều 6, Điều 8 và Điều 9 Quy định số 46-QĐ/TW; đồng thời có biên tập, chỉnh sửa câu chữ, từ ngữ cho phù hợp.

(10) Về mối quan hệ với đảng ủy, ban thường vụ, thường trực đảng ủy xã, phường, đặc khu, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy

- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của đảng ủy xã, phường, đặc khu, trực tiếp và thường xuyên là ban thường vụ, thường trực đảng ủy xã, phường, đặc khu; thực hiện chế độ báo cáo, xin ý kiến và đề xuất các vấn đề thuộc trách nhiệm về lĩnh vực được phân công với ban thường vụ và thường trực đảng ủy xã, phường, đặc khu; về chương trình công tác của mỗi cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu.

- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu định kỳ báo cáo công tác với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc

của tỉnh ủy, thành ủy; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy, thành ủy theo quy định.

(11) Về mối quan hệ với Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Nam cấp xã

Quan hệ giữa các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu với Cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã là quan hệ phối hợp:

- Trong phạm vi lĩnh vực công tác, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu chủ trì, phối hợp với Cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế của cấp trên và cấp mình.

- Phối hợp nghiên cứu, hướng dẫn triển khai nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế và kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy xã, phường, đặc khu giao.

(12) Mối quan hệ với hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân cấp xã

Quan hệ giữa các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu với hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân cùng cấp là quan hệ phối hợp:

- Khi triển khai thực hiện nhiệm vụ tham mưu có gắn với công tác quản lý nhà nước, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu phối hợp với hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân; các cơ quan đảng, chính quyền tạo điều kiện, hỗ trợ lẫn nhau để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tại kỳ họp hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân cấp xã bàn chủ trương, quyết định, chính sách, chế độ... có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của cơ quan nào, thì đại diện lãnh đạo cơ quan đó được mời tham dự, tham gia ý kiến. Những nội dung cần thiết, lãnh đạo cơ quan làm việc trực tiếp với thường trực hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân và các phòng, ban chuyên môn thuộc hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân để phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

(13) Mối quan hệ với cấp ủy cơ sở (bao gồm cấp ủy cơ sở được thí điểm giao quyền cấp trên cơ sở và cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc)

- Quan hệ giữa các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu với cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng trực thuộc là quan hệ phối hợp, hướng dẫn, trao đổi trong việc thực hiện công tác chuyên môn và công tác cán bộ theo phân cấp.

- Quan hệ giữa các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu với bộ phận tham mưu, giúp việc cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng

trực thuộc là quan hệ hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

(14) Mọi quan hệ với đảng bộ, chi bộ trực thuộc cấp ủy cấp xã

Quan hệ giữa các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu với chi bộ trực thuộc cấp ủy cấp xã là quan hệ phối hợp, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

3.5. Về Quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã⁹

Quy định gồm 03 chương, 08 điều¹⁰, cụ thể:

(1) Phạm vi, đối tượng, nguyên tắc tổ chức (Điều 1, Điều 2):

- *Quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, đặc khu.*

- *Về thẩm quyền thành lập:* Ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh, cấp xã quyết định thành lập Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, cấp xã.

- *Về bố trí lãnh đạo của cơ quan cấp tỉnh, cấp xã:*

+ Cơ quan MTTQ cấp tỉnh: (i) Bố trí một số phó chủ tịch MTTQ hiện nay và các đồng chí cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh kiêm trưởng các ban, đơn vị tham mưu, giúp việc. Trước mắt, có thể giữ nguyên số lượng cấp phó các ban, đơn vị hiện có, sau 05 năm thực hiện theo quy định. (ii) Ban, đơn vị tham mưu, giúp việc (*gọi chung là ban*) có dưới 10 người được bố trí trưởng ban và 01 phó trưởng ban; có từ 10 người trở lên được bố trí không quá 02 phó trưởng ban. Trước mắt do sắp xếp, hợp nhất thì giữ nguyên số lượng cấp phó các ban như hiện nay (gồm số lượng cấp phó các ban hiện có của cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh trước khi thực hiện sắp xếp, hợp nhất), tối đa sau 05 năm thực hiện số lượng cấp phó các ban theo đúng quy định.

+ Cơ quan MTTQ cấp xã: Bố trí cán bộ, công chức, viên chức ở cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm cấp phó của

⁹ Quy định số 301-QĐ/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã.

¹⁰ Chương I (Điều 1, 2): Phạm vi và đối tượng; Nguyên tắc tổ chức. Chương II (Điều 3, 4, 5, 6): Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, cấp xã. Chương III (Điều 7, 8): Điều khoản thi hành

các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, đặc khu. Khi Đại hội của mỗi tổ chức thực hiện theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Số lượng lãnh đạo cấp phó Cơ quan cấp tỉnh, cấp xã do ban thường vụ cấp ủy cùng cấp xem xét, quyết định phù hợp thực tiễn địa phương.

- *Về biên chế*: Trước mắt giữ nguyên biên chế Cơ quan cấp tỉnh hiện có, trong thời hạn 05 năm, thực hiện đúng quy định. Biên chế Cơ quan cấp xã định hướng khoảng 08 - 10 người, nguồn bố trí từ cán bộ, công chức cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể của huyện, xã hiện có, và có thể một số cán bộ, công chức cấp tỉnh. Trước mắt có thể bố trí biên chế nhiều hơn, sau khi hoàn thiện vị trí việc làm, tối đa sau thời gian 05 năm phải thực hiện đúng theo quy định của cấp có thẩm quyền. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã được sử dụng đội ngũ tình nguyện viên, cộng tác viên, tư vấn tự nguyện.

(2) *Về chức năng, nhiệm vụ (Điều 3, Điều 4)*: Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã có chức năng tham mưu, giúp việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp; đồng thời, là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ công tác Mặt trận và công tác đoàn thể, hội.

Gồm 03 nhóm nhiệm vụ: (1) Nhiệm vụ tham mưu, thực hiện; (2) Nhiệm vụ chủ trì, phối hợp; (3) Nhiệm vụ thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội.

(3) *Về tổ chức bộ máy (Điều 5)*

- Đối với Cơ quan cấp tỉnh:

+ Ban thường trực có từ **07- 09** đồng chí, gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch thường trực, 05 phó chủ tịch là người đứng đầu 05 tổ chức chính trị - xã hội và các phó chủ tịch phụ trách theo lĩnh vực, địa bàn. Chủ tịch là thủ trưởng cơ quan, các Phó chủ tịch là phó thủ trưởng cơ quan¹¹; trước mắt giữ nguyên số lượng cấp phó của Cơ quan, sau 5 năm thực hiện theo quy định.

+ Cơ quan cấp tỉnh được lập từ **09 -10** ban, đơn vị; trong đó, có 08 ban, đơn vị¹² tham mưu, giúp việc chung và trực tiếp cho các tổ chức chính trị - xã hội. Ngoài ra, căn cứ điều kiện thực tiễn, Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định thành lập từ 01 - 02 ban có tính đặc thù, phù hợp với đặc điểm, tình hình địa

¹¹ Trường hợp Phó bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch MTTQ thì đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ là Phó Chủ tịch Thường trực làm thủ trưởng cơ quan.

¹² Gồm: (1) Văn phòng; (2) Ban Tổ chức, Kiểm tra; (3) Ban Dân chủ, giám sát và phản biện xã hội; (4) Ban Công tác Công đoàn; (5) Ban Công tác Nông dân; (6) Ban Công tác Đoàn và Thanh thiếu nhi; (7) Ban Công tác Phụ nữ; (8) Ban Công tác Cựu chiến binh.

phương, như: ban công đoàn khu công nghiệp; ban dân tộc, tôn giáo; ban công tác hội quần chúng hoặc ban tuyên giáo, công tác xã hội.

- Đối với Cơ quan cấp xã: Ban Thường trực gồm Chủ tịch và **04 - 05** phó chủ tịch kiêm trưởng các tổ chức chính trị - xã hội (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Công đoàn, Hội Nông dân (*nếu có*)), trong đó phân công **01** đồng chí làm Phó chủ tịch thường trực. Chủ tịch là thủ trưởng cơ quan, Phó chủ tịch Thường trực là Phó thủ trưởng cơ quan. Mô hình Cơ quan đặc khu do Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy xem xét, quyết định.

(4) Về mối quan hệ công tác (Điều 6)

Mối quan hệ công tác giữa Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã với cấp ủy đảng các cấp, các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh, cấp xã thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước có liên quan và Điều lệ của từng tổ chức. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã là đầu mối phối hợp công tác với cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh, cấp xã.

(5) Về tổ chức thực hiện (Điều 7, Điều 8):

- Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã;

- Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của cơ quan, quy định chức năng, nhiệm vụ của các ban chuyên môn của mình.

- Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này; tổng hợp những vấn đề phát sinh (nếu có) báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

3.6. Về công tác quản lý biên chế

Quán triệt thực hiện Quy định số 70-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; trong đó, có 04 nguyên tắc quản lý biên chế:

- Bộ Chính trị lãnh đạo, chỉ đạo quản lý biên chế trong hệ thống chính trị. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức thực hiện trách nhiệm quản lý biên chế theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Tổng biên chế của hệ thống chính trị được quyết định theo nhiệm kỳ 5 năm và khi cần thiết.

- Giao chỉ tiêu biên chế do cấp có thẩm quyền quyết định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức, đơn vị; bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao gắn với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách hành chính, cải cách chính sách tiền lương.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền, nêu cao trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu trong công tác quản lý, sử dụng biên chế. Chỉ thực hiện tăng chỉ tiêu biên chế khi được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập tổ chức mới, bổ sung chức năng, nhiệm vụ

Đối với cấp ủy cấp xã (mới): Đảng ủy cấp trên cơ sở ở xã, phường, đặc khu được lập cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp theo quy định thi hành điều lệ Đảng với số biên chế thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Trung ương, do ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

Để bảo đảm các cơ quan khẩn trương đi vào hoạt động thông suốt, trước mắt biên chế cán bộ lãnh đạo, công chức các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu thực hiện theo quy định nêu tại Điểm 3, Khoản 2, Mục I Hướng dẫn số 31-HD/BTCTW, ngày 23/4/2025 của Ban Tổ chức Trung ương. Trong quá trình sắp xếp có thể bố trí biên chế nhiều hơn (bao gồm cán bộ công tác Đảng của huyện, xã hiện có và một số cán bộ, công chức cấp tỉnh); sau khi hoàn thiện vị trí việc làm, tối đa sau thời gian 05 năm phải thực hiện đúng theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền giao và quản lý biên chế.

III. VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ

1. Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Kết luận số 150-KL/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị hướng dẫn xây dựng phương án nhân sự cấp ủy cấp tỉnh thuộc diện hợp nhất, sáp nhập và cấp xã thành lập mới; các quy định của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ, luân chuyển cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

Ngày 29/8/2025, Ban Bí thư đã ban hành Quy định số 350-QĐ/TW về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị (thay thế Quy định số 57-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Ban Bí thư về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị), đảm bảo đồng bộ, thống nhất, đáp ứng yêu cầu, tình hình thực tiễn và mô hình tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị sau sắp xếp,

ting gọn. Quy định mới tập trung vào việc sửa đổi, bổ sung về đối tượng phân cấp đào tạo lý luận chính trị, phù hợp với giai đoạn mới. Một số nội dung chủ yếu của Quy định như sau:

2.1. Bổ bậc đào tạo sơ cấp lý luận chính trị. Lý do: (i) Sơ cấp lý luận chính trị không phải là tiêu chuẩn để bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý; (ii) Đối tượng, người học chỉ cần có nguyện vọng và không yêu cầu là đảng viên; (iii) Trình độ học vấn của đội ngũ cán bộ đều từ bậc đại học trở lên, cơ bản nội dung lý luận chính trị đã được trang bị tương đương sơ cấp.

2.2. Sửa đổi, bổ sung đối tượng đào tạo lý luận chính trị: (i) Tiêu chuẩn bổ nhiệm những chức danh, chức vụ nào yêu cầu có trình độ trung cấp, cao cấp lý luận chính trị thì những đối tượng quy hoạch những chức danh đó sẽ là đối tượng học. (ii) Căn cứ vào tổ chức bộ máy sau khi sắp xếp, xác định đối tượng đào tạo trung cấp và cao cấp lý luận chính trị. (iii) Quy định rõ đối tượng: cấp ủy; cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ quân đội; cán bộ công an; cán bộ doanh nghiệp; giảng viên lý luận chính trị.

Đối tượng đào tạo lý luận chính trị được quy định cụ thể như sau:

(1) Đối tượng đào tạo trung cấp lý luận chính trị

1.1. Cán bộ đương chức hoặc được quy hoạch:

a) Cấp ủy đảng: Cấp ủy viên của chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở trở lên.

b) Cán bộ, công chức, viên chức: phó trưởng phòng (tương đương) trở lên của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp xã, cấp tỉnh và thuộc bộ, ban, ngành, cơ quan, đơn vị ở Trung ương.

c) Cán bộ quân đội: chỉ huy cấp tiểu đoàn, phó tham mưu trưởng, phó chủ nhiệm chính trị trung đoàn (tương đương); chỉ huy phòng (ban) cấp lữ đoàn, sư đoàn, bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh (tương đương) trở lên.

d) Cán bộ công an: phó trưởng công an cấp xã, phó đội trưởng (tương đương) trở lên.

e) Cán bộ doanh nghiệp: Trưởng phòng, ban (tương đương) trở lên của công ty (tổng công ty) nhà nước trực thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trưởng ban, trưởng phòng (tương đương) trở lên trực thuộc các tập đoàn, công ty (tổng công ty), ngân hàng thương mại nhà nước.

1.2. Giảng viên sẽ trực tiếp giảng dạy chương trình đào tạo trung cấp lý luận chính trị ở các học viện, trường có nhiệm vụ đào tạo trung cấp lý luận chính trị.

(2) Đối tượng đào tạo cao cấp lý luận chính trị

1.1. Cán bộ đương chức: ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp trên cơ sở trở lên; trưởng phòng (tương đương cấp xã) trở lên.

1.2. Cán bộ đương chức hoặc quy hoạch:

a) Cấp ủy đảng: Ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp trên cơ sở trở lên.

b) Cán bộ, công chức, viên chức: Chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự, chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã (tương đương) trở lên; trưởng phòng (tương đương) cấp tỉnh trở lên; trưởng phòng (tương đương) trở lên thuộc bộ, ban, ngành, cơ quan, đơn vị ở Trung ương.

c) Cán bộ quân đội: Trung đoàn trưởng, chính ủy trung đoàn (tương đương); Chỉ huy cấp lữ đoàn, sư đoàn, bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh (tương đương); chỉ huy các cơ quan cấp chiến dịch, chiến lược; ban giám đốc bệnh viện, viện nghiên cứu, chủ tịch, ban giám đốc công ty (tổng công ty) doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng trở lên.

d) Cán bộ công an: Trưởng công an cấp xã, phó trưởng phòng (tương đương) trở lên.

e) Cán bộ doanh nghiệp: Hội đồng thành viên (quản trị), ban giám đốc (tương đương) trở lên ở các công ty (tổng công ty) nhà nước trực thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh; hội đồng thành viên (quản trị), ban giám đốc (tương đương) trở lên ở các tập đoàn, công ty (tổng công ty), ngân hàng thương mại nhà nước.

2.3. Bổ sung, sửa đổi thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan cho phù hợp, thống nhất với tình hình thực tiễn trong việc sáp nhập, tinh gọn bộ máy. Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của cấp ủy, cơ quan tham mưu, cơ sở đào tạo trong công tác đào tạo lý luận chính trị, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, không trùng lặp, chồng chéo, bảo đảm nguyên tắc một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính; các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Bên cạnh đó, nghiên cứu, đề xuất áp dụng chuyển đổi số trong đào tạo lý luận chính trị: Hình thức, phương pháp, nội dung, chương trình bồi dưỡng...

3. Chính sách cán bộ

3.1. Tổng quan chung về công tác chính sách cán bộ

Hệ thống chính sách cán bộ được chia làm 2 nhóm:

(1) *Chính sách đối với cán bộ, công chức* bao gồm cả đãi ngộ về vật chất và khuyến khích, động viên tinh thần: *việc làm, thu nhập (tiền lương, thưởng); phụ*

cấp chức vụ, khu vực, làm thêm giờ, trợ cấp khó khăn; Chính sách phúc lợi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, *nhà ở và các dịch vụ xã hội* được bao cấp một phần hoặc toàn bộ (lương hưu, nghỉ ốm, thai sản, nghỉ phép, nghỉ dưỡng hằng năm, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp); về văn hoá, tinh thần (điều kiện để được hưởng thụ về văn hoá, khen thưởng, tuyên dương công trạng) sự tôn vinh với các danh hiệu của cơ quan, ngành và Nhà nước trao tặng.

(2) *Nhóm chính sách tuyển chọn* những cán bộ ưu tú để đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng; khuyến khích phát triển tài năng; chính sách vùng, miền, tôn giáo. Chính sách thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng...

Như vậy, cấp ủy Đảng, chính quyền cấp xã chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ về công tác chính sách cán bộ như trên theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Đồng thời cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được hưởng chính sách, chế độ như cán bộ, công chức cấp huyện trước đây.

3.2. Chính quyền địa phương cấp xã thực hiện nhiệm vụ về công tác chính sách

Thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị Trung ương 11 khóa XIII và các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (*cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh; kết thúc hoạt động của cấp huyện*). Theo đó, các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp huyện được chuyển phần lớn về cho chính quyền địa phương cấp xã thực hiện. Vì vậy, cấp ủy Đảng, chính quyền cấp xã chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ về công tác chính sách tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

- *Chính sách tiền lương*: Thực hiện chính sách tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cấp xã theo phân cấp quản lý cán bộ, bảo đảm đồng bộ, đúng quy định của Đảng, Nhà nước.

- *Chính sách người có công*: Thực hiện chính sách đối với người có công và thân nhân, gia đình người có công như: trợ cấp hằng tháng, phụ cấp hằng tháng; bảo hiểm y tế; điều dưỡng phục hồi sức khỏe hằng năm đối với người có công...

- *Chính sách phúc lợi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế*: Thực hiện chính sách chăm sóc sức khỏe cán bộ (*nghỉ hè, nghỉ dưỡng, khám chữa bệnh, ...*) của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo phân cấp quản lý cán bộ, bảo đảm đồng bộ, đúng quy định của Đảng, Nhà nước.

- *Chính sách khen thưởng*: Thực hiện chính sách khen thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo phân cấp quản lý cán bộ đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ, thủ tục khen thưởng thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Một số quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, chức danh và phân cấp quản lý cán bộ

4.1. Quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ¹³

Trên cơ sở hợp nhất Quy định 89 và Quy định 214, Quy định mới ban hành có tên gọi là Quy định về “Tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị” để phản ánh đầy đủ về nội dung, phạm vi và đối tượng áp dụng, bao quát cả hai nhóm cán bộ: (1) Cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và (2) Cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong cả hệ thống chính trị. Đây là bước tiến mới, góp phần quan trọng trong việc xây dựng đồng bộ, thống nhất các văn bản, quy định của Đảng.

- Quy định được kết cấu theo bố cục gồm 06 phần, gồm: (1) Quy định chung, (2) Tiêu chuẩn chung đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, (3) Tiêu chuẩn chức danh đối với cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, (4) Khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, (5) Một số trường hợp đặc thù áp dụng tiêu chuẩn chức danh khi bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, (6) Tổ chức thực hiện.

- Quy định đã bổ sung các nội dung về phạm vi, đối tượng, mục đích và yêu cầu để cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo xuyên suốt của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của đồng chí Tổng Bí thư về đổi mới công tác cán bộ; đồng thời, yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm cụ thể hóa, xây dựng tiêu chuẩn chức danh phù hợp với từng lĩnh vực, ngành nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, trước hết là cán bộ cấp chiến lược phải đủ đức, đủ tài, đủ tâm, đủ tầm, đủ sức, đủ nhiệt huyết cách mạng, đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới; đặc biệt coi trọng cả “đức” và “tài”, lấy phẩm chất, đạo đức, lối sống làm gốc; năng lực, hiệu quả công tác là thước đo để lựa chọn cán bộ.

- Quy định đã tích hợp, sửa đổi, bổ sung các Quy định 89, 214 và cập nhật một số tiêu chuẩn theo kết luận của Bộ Chính trị; đồng thời, điều chỉnh, lượng

¹³ Quy định số 365-QĐ/TW ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về Tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị.

hoá tối đa các tiêu chuẩn mang tính định tính, lược bỏ các nội dung trùng lặp, chồng chéo, bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị.

Điểm mới nổi bật của Quy định lần này là lần đầu tiên xây dựng một hệ thống khung tiêu chuẩn, chức danh, phù hợp với từng lĩnh vực, ngành thống nhất trong toàn hệ thống chính trị. Trong Quy định 89, Quy định 214 trước đây chỉ có khung tiêu chuẩn chung áp dụng cho mọi đối tượng thì quy định lần này đã tích hợp 89, 214 thành 01 khung tiêu chuẩn cho các đối tượng công tác thuộc 09 lĩnh vực công tác, bao gồm: (1) Cơ quan tham mưu của Đảng; (2) Cơ quan hành chính nhà nước; (3) Cơ quan dân cử; (4) Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; (5) Lực lượng vũ trang; (6) Cơ quan tư pháp; (7) Đơn vị sự nghiệp công lập; (8) Doanh nghiệp nhà nước; (9) Các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ. Theo đó, tại mỗi lĩnh vực đã thể hiện các nội dung đặc thù phản ánh rõ chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động đặc trưng của từng loại hình tổ chức.

Căn cứ quy định của Bộ Chính trị, trong thời gian tới, các địa phương, cơ quan, đơn vị cần phải tiếp tục cụ thể hóa và ban hành tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền, bảo đảm mỗi lĩnh vực, ngành đều có tiêu chuẩn riêng, làm cơ sở thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí và sử dụng cán bộ bài bản, đúng quy định, phù hợp với thực tiễn địa phương, cơ quan, đơn vị.

4.2. Quy định về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị¹⁴

Quy định gồm 6 Điều, ban hành kèm theo Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị gồm 04 nhóm: (1) Nhóm I, các chức danh lãnh đạo chủ chốt và lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước. (2) Nhóm II, các chức danh, chức vụ lãnh đạo thuộc diện Bộ Chính trị quản lý. (3) Nhóm III, các chức danh, chức vụ lãnh đạo thuộc diện Ban Bí thư quản lý. (4) Nhóm IV, khung chức danh, chức vụ lãnh đạo thuộc diện cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị quản lý.

Điểm mới trong Quy định 368 đối với đảng ủy cấp xã: Điều chỉnh các chức danh của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương và địa phương cho phù hợp với mô hình của Mặt trận Tổ quốc sau sắp xếp. Xếp các chức danh cấp ủy, các sở, ban, ngành, xã, phường, đặc khu thuộc Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh cao hơn các tỉnh, thành phố khác bởi vì đây là 02 trung tâm lớn, đặc biệt quan trọng của cả nước. Xây dựng hệ thống chức danh đối với xã, phường, đặc khu mới bảo đảm thấp hơn cấp huyện cũ và cao

¹⁴ Quy định số 368-QĐ/TW ngày 29/8/2025 của Bộ Chính trị về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị.

hơn cấp xã, phường cũ. Theo đó, sắp xếp chức danh “Bí thư đảng uỷ xã, phường, đặc khu” cùng bậc với chức danh “Phó Giám đốc sở” tại Bậc 6. Tương tự như vậy đối với các chức danh phó bí thư, chủ tịch UBND, HĐND, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành...

4.3. Quy định về phân cấp quản lý cán bộ¹⁵

Quy định sửa đổi, bổ sung phạm vi điều chỉnh gồm yêu cầu, nguyên tắc, thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình quy hoạch, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ. Đồng thời, bổ sung 01 điều về giải thích từ ngữ; trong đó, bổ sung nội hàm giải thích một số từ ngữ về: Công tác cán bộ, phân cấp quản lý, bổ nhiệm, quy hoạch, đưa ra khỏi quy hoạch.

Điều mới trong Quy định 377 đối với đảng uỷ cấp xã:

- Bổ sung quy định giao cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu có trách nhiệm định kỳ báo cáo cấp trên về tình hình đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên theo quy định.

- Sửa đổi, bổ sung nội dung: (1) Về bổ nhiệm, bố trí, sử dụng đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại, xem xét trách nhiệm; (2) Về thời gian giữ chức vụ như sau: Cán bộ được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 1 năm (12 tháng); trường hợp đặc biệt, chưa bảo đảm thời gian giữ chức vụ hoặc giữ chức vụ tương đương thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Sửa đổi, bổ sung nội dung: (1) Căn cứ xem xét cho thôi giữ chức vụ đối với cán bộ và việc bố trí đối với cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ; (2) Căn cứ xem xét cho từ chức đối với cán bộ và 03 trường hợp cán bộ không được từ chức; (3) Căn cứ xem xét miễn nhiệm đối với cán bộ và việc bố trí đối với 04 trường hợp cán bộ thuộc diện miễn nhiệm nếu cán bộ tự nguyện xin từ chức.

4.4. Quy định về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị¹⁶

1- Quy định mới đã lược bỏ cụm từ “hàng năm” nhằm làm rõ nội hàm của Quy định, không chỉ quy định việc kiểm điểm, đánh giá định kỳ hàng năm mà Quy định mới bổ sung đánh giá theo quý, nhiệm kỳ, đột xuất, chuyển mạnh từ

¹⁵ Quy định số 377-QĐ/TW ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ.

¹⁶ Quy định số 366-QĐ/TW ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị.

đánh giá định kỳ hằng năm sang đánh giá thường xuyên, liên tục, đáp ứng yêu cầu của công tác cán bộ hiện nay.

2- Quy định 366 sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 2 nhằm *thống nhất về nguyên tắc, khung tiêu chí, phương pháp, thẩm quyền, quy trình, thủ tục đánh giá tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị theo phân cấp, bảo đảm đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở*. Làm rõ yêu cầu đánh giá dựa trên *hiệu quả công việc, kết quả thực hiện nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể gắn với vị trí việc làm, chức trách, nhiệm vụ theo số lượng, tiến độ, chất lượng bảo đảm khách quan, công bằng, minh bạch, thực chất*.

Quy định có kết cấu bố cục gồm 04 chương 19 điều, với hơn 115 trang cả phụ lục, trong đó có nhiều nội dung mới, nổi bật, mang tính đột phá.

3- Xác định một số nguyên tắc mới trên cơ sở tổng kết thực tiễn và bám sát quan điểm chỉ đạo của Trung ương theo nội dung thể hiện tại Điều 3 như sau:

- Kết hợp hài hoà tiêu chí định tính và định lượng, nhưng *đặc biệt chú trọng các tiêu chí đánh giá kết quả cụ thể*.

- Lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm *trọng tâm*, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống làm *nền tảng*, phương pháp, năng lực quản lý, điều hành làm *cơ sở* quyết định kết quả đánh giá.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc xây dựng kế hoạch công tác, phân công nhiệm vụ với nguyên tắc cấp nào trực tiếp quản lý, phân công công việc thì cấp đó đánh giá, xếp loại đảm bảo liên thông, thống nhất trong toàn hệ thống.

- Quy định của Bộ Chính trị là quy định khung, mang tính nguyên tắc, chỉ đạo định hướng để các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp tục cụ thể hóa, nhất là nội dung kiểm điểm, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá phù hợp với đặc điểm ngành, lĩnh vực, nhiệm vụ của mình.

4- Để khắc phục việc một số tập thể, cá nhân lãnh đạo, quản lý phải kiểm điểm ở nhiều hội nghị khác nhau, Quy định lần này đã bổ sung nội dung mới tại điểm 2.4, Điều 7 góp phần cải cách hành chính. Cụ thể: Trường hợp tập thể lãnh đạo, quản lý (tại Điểm 1.2, Khoản 1, Điều 5) cùng là thành viên của cấp ủy tại địa phương, tổ chức, cơ quan, đơn vị nơi công tác thì kiểm điểm tập thể và cá nhân thành viên của tập thể đó tại hội nghị kiểm điểm của cấp ủy.

Ví dụ: Bộ A có 06 đồng chí thành viên lãnh đạo Bộ, đồng thời cũng là thành viên của tập thể Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ thì tập thể lãnh đạo quản lý và các thành viên lãnh đạo Bộ A tiến hành kiểm điểm tập thể và cá nhân tại hội nghị kiểm điểm của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ theo quy định; đảm bảo đầy đủ các nội dung nhiệm vụ theo chức năng và chức trách, nhiệm vụ được giao.

5- Tại Điều 10 Quy định này, lần đầu tiên Bộ Chính trị đã quy định khung tiêu chí đánh giá cán bộ với định lượng cụ thể theo thang điểm 100, chia thành 02 nhóm tiêu chí chính: (1) Nhóm tiêu chí chung (30 điểm); (2) Nhóm tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ (70 điểm).

- Khung tiêu chí đánh giá được thiết kế thành hệ thống 05 Phụ lục chi tiết phù hợp với từng loại hình tập thể, tổ chức, cơ quan, đơn vị, trong đó: 01 Phụ lục đối với tập thể và 04 Phụ lục đối với: (1) Cán bộ diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; (2) Cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp; (3) Cán bộ không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; (4) Đảng viên đảng viên hưu trí và đảng viên không làm việc trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị. Trong đó, lần đầu tiên hệ thống tiêu chí ở các Phụ lục số 1, 3, 4 được xây dựng theo 09 lĩnh vực công tác bám sát chức năng, nhiệm vụ, chức trách, thẩm quyền của tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị.

6- Cũng tại Điều 10 của Quy định này, Bộ Chính trị đã quy định bộ tiêu chí đánh giá cho từng chức danh cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý nhằm giải quyết, khắc phục hạn chế kéo dài trước đây khi chưa có tiêu chí cụ thể để đánh giá cán bộ cấp chiến lược gắn với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và chức trách, thẩm quyền của từng vị trí. Đây là nội dung rất mới, mang tính đột phá.

Bên cạnh đó, quy định lần này đã bổ sung điểm mới là xây dựng Phụ lục để đánh giá đối với đảng viên đang không làm việc trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, như đảng viên là cán bộ hưu trí, học sinh, sinh viên, doanh nghiệp tư nhân..., trong đó lược bỏ nội dung đánh giá kết quả việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn để phù hợp với thực tiễn.

7- Quy định về tỷ lệ tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc không vượt quá 20% tổng số được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” nhằm tiếp tục siết chặt việc đánh giá xếp loại, tránh chạy theo thành tích. Tuy nhiên, với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có thành tích xuất sắc, nổi trội, tạo sự chuyển biến tích cực, hoàn thành vượt kế hoạch thì cấp có thẩm quyền quyết định nâng tỷ lệ lên đảm bảo không vượt quá 25%.

8- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điểm 4.4, Điều 11 để giải quyết về trường hợp tập thể, cá nhân có khuyết điểm, vi phạm xảy ra từ năm trước, thời điểm trước nhưng đến thời điểm năm đánh giá, xếp loại mới bị cấp có thẩm quyền quyết định thi hành kỷ luật thì cấp uỷ cấp trên có thẩm quyền căn cứ vào hình thức kỷ luật, nội dung, động cơ, tính chất, mức độ, hậu quả, nguyên nhân vi phạm, hoàn cảnh cụ thể thực hiện đánh giá, xếp loại đối với tập thể, cá nhân ở thời điểm đánh giá hiện tại. Bổ sung, sửa đổi này nhằm phù hợp với các quy định hiện hành của Đảng, thể hiện đúng quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị.

Ngoài ra, quy định đã bổ sung, sửa đổi, diễn đạt lại một số nội dung về: đối tượng kiểm điểm và đánh giá tại Điều 5, Điều 9; quy trình tại Điều 12; phân công tổ chức thực hiện tại Điều 18.

Các quy định của Bộ Chính trị về “Tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị” và “Kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị” là những nội dung rất quan trọng trong xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp. Do đó, đề nghị các cấp ủy, tổ chức đảng nghiên cứu quán triệt sâu sắc, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đầy đủ các nội dung của quy định. Trong quá trình triển khai nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề thực tiễn phát sinh, đề nghị các đồng chí kịp thời phản ánh về Ban Tổ chức Trung ương để tổng hợp, nghiên cứu, hướng dẫn, tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Trên đây là chốt lọc những nội dung mới về công tác tổ chức, cán bộ của đảng ủy xã, phường, đặc khu hiện nay, là nội dung rất quan trọng trong triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và xây dựng đội ngũ cán bộ. Đề nghị cấp ủy và cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã nghiên cứu quán triệt sâu sắc, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đầy đủ các nội dung của quy định. Trong quá trình triển khai nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề thực tiễn phát sinh, đề nghị các đồng chí kịp thời phản ánh về Ban Tổ chức Trung ương để tổng hợp, nghiên cứu, hướng dẫn, tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12-4-2025 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII
- 2) Kết luận số 121-KL/TW ngày 24-01-2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị
- 3) Kết luận số 126-KL/TW ngày 14-02-2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025
- 4) Kết luận số 127-KL/TW ngày 28-2-2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị
- 5) Hướng dẫn số 31-HD/BTCTW ngày 23/4/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về việc thành lập tổ chức đảng tương ứng các đơn vị hành chính ở địa phương và sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể cấp tỉnh, cấp xã
- 6) Kết luận số 101-KL/TW, ngày 11/11/2024 của Bộ Chính trị về chủ trương tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.